

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:12/2018/HS-ST
Ngày 15- 01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LA, TỈNH SƠN LA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Điều Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lò Văn Khẹt

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Quàng Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2017/TLST - HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/HSST – QĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Hà Văn Minh sinh ngày 12 tháng 02 năm 1980 tại Phường C, thành phố SL, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản C, phường C, thành phố SL, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa : 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Hà Văn N (đã chết) và bà Đỗ Thị K; bị cáo có vợ là Lò Thị X và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2017 đến ngày 19/5/2017 trốn khỏi nơi giam giữ và bị bắt ngày 12/10/2017. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Ông Lò Văn K1, sinh năm 1947; Trú tại: Bản P, xã CL, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Ông Lò Văn K2, sinh năm 1980; Trú tại: Bản P, xã CL, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Văn M là nhân viên lái xe taxi của hãng Sao Xanh ở thành phố SL có quan hệ tình cảm với Quảng Thị T, trú tại: Bản P, xã CL, huyện ML. Trong thời gian quan hệ tình cảm với T, M quen biết anh trai của T là Lò Văn K1. Thấy anh K1 muốn xin cho con trai là Lò Văn H đi học trường thiếu sinh quân nên đã nảy sinh ý định lừa lấy tiền của K1. Tháng 2/2015 M đi cùng với T đến nhà K1 chơi, M nói với K1 hiện đang công tác tại Sở cảnh sát giao thông tỉnh Sơn La, có mối quan hệ quen biết có thể xin cho con của K1 đi học Trường thiếu sinh quân nhưng phải chi 100.000.000đ. Do tin tưởng M nên ngày 02/3/2015 K1 hẹn Minh đến nhà và đưa cho M 100.000.000đ. M nhận tiền và hứa đến tháng 8/2015 con trai K1 sẽ được đi học ở Trường thiếu sinh quân. Sau khi nhận tiền của K1, M không sử dụng vào việc xin nhập học cho con trai của K1 như đã hứa mà sử dụng tiền vào việc chi tiêu cá nhân. Đến tháng 9/2015 Lò Văn K1 không thấy con trai được gọi nhập học nên đã gọi điện thoại yêu cầu M trả tiền. Sau nhiều lần đòi M trả lại cho K1 tổng cộng là 84.000.000đ.

Ngoài ra trong thời gian này M cũng biết được Quảng Thị T đang có nhu cầu xin việc làm sau khi học xong nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của gia đình T. M nói với bố của T là ông Lò Văn K2 hiện M đang công tác tại Sở cảnh sát giao thông tỉnh Sơn La có thể xin cho T vào làm việc tại Kho bạc nhà nước tỉnh Sơn La nhưng phải chi số tiền 300.000.000đ và hứa đến tháng 9/2015 sẽ xin được việc làm cho T. Ông K2 nhất trí, tuy nhiên gia đình chỉ có 250.000.000đ, M nói sẽ hỗ trợ 50.000.000đ, vì tin tưởng M nên ông K2 đã đưa cho M số tiền 250.000.000đ để xin việc cho T. Sau khi nhận tiền của ông K2, M không sử dụng tiền để xin việc cho T mà chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 15/9/2015 gia đình ông K2 không thấy T có quyết định đi làm, ông K2 đã nhiều lần gọi điện hỏi M thì M đều trốn tránh. Sau đó M có đến nhà ông K2 làm giấy vay ông K2 số tiền 250.000.000đ hẹn 03 tháng sau sẽ trả. Đến tháng 5/2016 M trả cho ông K2 được 4.000.000đ rồi lẩn trốn.

Do có hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 677/KSĐT – TA ngày 28-11-2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La đã truy tố bị cáo Hà Văn M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hà Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội.

Người bị hại ông Lò Văn K1 trình bày: Sau một thời gian quen biết với Hà Văn M do M là người yêu của em gái K1. M có nói với K1 hiện đang làm ở Sở cảnh sát giao thông tỉnh Sơn La và có thể xin cho con trai K1 đi học tại Trường thiếu sinh quân với số tiền 100.000.000đ đến tháng 8/2015 sẽ được nhập học. Vì tin tưởng M nên K1 đã đưa cho M số tiền trên. Tuy nhiên sau khi M nhận tiền đến tháng 9/2015 không thấy con trai được nhập học, K1 gọi điện cho M thì M đều trốn tránh. Sau nhiều lần đòi M trả được cho K1 tổng số tiền 84.000.000đ. Tại phiên tòa ông Lò Văn K1 yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 16.000.000đ và chi phí các lần đi lại đòi tiền là: 3.500.000đ.

Người bị hại ông Lò Văn K2 trình bày: Khoảng tháng 5/2015 con gái ông là Quảng Thị T có đưa Hà Văn M về nhà giới thiệu là người yêu. M có nói với ông K2 hiện đang công tác tại Sở cảnh sát giao thông công an tỉnh Sơn La và có thể xin được cho T vào làm tại Kho bạc nhà nước tỉnh Sơn La, khoảng tháng 9/2015 sẽ được đi làm, nhưng phải đưa cho M số tiền 300.000.000đ. Ông K2 chỉ có 250.000.000đ, M nói sẽ hỗ trợ thêm 50.000.000đ. Vì tin tưởng M sẽ xin được việc làm cho con gái ông K2 đã giao cho M số tiền 250.000.000đ. Đến cuối tháng 9/2015 không thấy T được gọi đi làm như M đã hứa, ông K2 nhiều lần gọi điện và tìm gặp M nhưng M đều lần tránh. Tháng 6/2016 M có gửi qua T cho ông K2 số tiền là 4000.000đ. Tại phiên tòa ông K2 yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông số tiền còn lại là 246.000.000đ.

Về yêu cầu bồi thường của người bị hại, bị cáo hoàn toàn nhất trí sẽ có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Hà Văn M đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt Hà Văn M từ 08 năm đến 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Lò Văn K1 số tiền: 19.500.000đ, bồi thường cho ông Lò Văn K2 số tiền 246.000.000đ.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hà Văn Minh, người bị hại ông Lò Văn K1, ông Lò Văn K2 không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Hà Văn M khai nhận, năm 2015 bằng thủ đoạn gian dối, nói dối đang công tác tại Sở cảnh sát giao thông tỉnh Sơn La có thể xin cho con trai ông Lò Văn K1 đi học tại Trường thiếu sinh quân và xin cho con gái ông Lò Văn K2 là Quảng Thị T đi làm tại Kho bạc nhà nước tỉnh Sơn La. Hà Văn M đã nhận số tiền của ông K1 là 100.000.000đ và ông K2 là 250.000.000đ. Tuy nhiên sau khi nhận tiền M đã không thực hiện lời hứa. Về số tiền sau nhiều lần ông K1 và ông K2 đòi trước khi trình báo tại cơ quan điều tra M đã trả lại cho ông K1 84.000.000đ và ông K2 là 4.000.000đ, chiếm đoạt 262.000.000đ. Số tiền trên M đã chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của ông Lò Văn K1, ông Lò Văn K2 của Hà Văn M đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt

theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, có mức hình phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm. Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Mường La đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm tội nhưng để có tiền chi tiêu cá nhân bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/4/2017 đến ngày 19/5/2017 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập theo quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự do đó cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh tài sản của Cơ quan điều tra, xét bị cáo không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung – phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra thiệt hại về tài sản cho người bị hại nên xét yêu cầu bồi thường của người bị hại ông Lò Văn K1, ông Lò Văn K2 là có căn cứ chấp nhận. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Lò Văn K1 số tiền 19.500.000đ, bồi thường cho ông Lò Văn K2 số tiền: 246.000.000đ.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999:

1. Tuyên bố bị cáo Hà Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt Hà Văn M: 08 (tám) năm tù. Trừ đi thời gian tạm giữ là 28 (hai mươi tám) ngày bị cáo còn phải chấp hành tiếp là: 07 (bảy) năm 11 (mười một) tháng 02 (hai) ngày.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 12/10/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung – phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Hà Văn M có trách nhiệm bồi thường cho ông Lò Văn K1 số tiền 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng)

Buộc bị cáo Hà Văn M có trách nhiệm bồi thường cho ông Lò Văn K2 số tiền: 246.000.000đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Hà Văn M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 13.275.000đ (Mười ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Công an huyện Mường La;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- THAHS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đieu Thị Kim Liên

- Luru;